

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH LÀO CAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND Lào Cai, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**  
**trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2025**

Thực hiện quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 11, Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, theo đó giao UBND cấp tỉnh có trách nhiệm: “*Tổng hợp số liệu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại địa phương, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 5 năm sau*”. UBND tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả thực hiện thu phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2025 như sau:

**1. Kết quả thu phí BVMT đối với nước thải trên địa bàn tỉnh năm 2025**

*1.1. Kết quả thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt*

- Số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt thu được năm 2025: 22.028.916.350 (đồng).

- Số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt thu được năm 2025 đã nộp vào ngân sách nhà nước: 19.860.216.636 (đồng) (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

*1.2. Kết quả thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp*

- Số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp thu được năm 2025: 1.551.036.063 (đồng).

- Số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp thu được năm 2025 đã nộp vào ngân sách nhà nước: 1.523.490.288 (đồng) (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

**2. Khó khăn vướng mắc**

Tại khoản 8, Điều 5, Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định:

*“Miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong các trường hợp sau: ...*

*8. Nước thải từ hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản.”*

Tại khoản 2, Điều 36 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định: “2. Việc xả nước thải trong hoạt động khoáng sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Để đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời bảo đảm quyền lợi của Nhà nước cũng như tổ chức và cá nhân, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường dẫn cụ thể đối với các trường hợp “Nước thải từ hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản được miễn phí bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 8, Điều 5, Nghị định số 346/2025/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai trân trọng báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- PCT UBND tỉnh (đc Phan Trung Bá);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh VP, PCVP UBND tỉnh (đc Khanh);
- Lưu: VT, TNMT (Oanh).

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trung Bá**

## PHỤ LỤC 1

### Báo cáo tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

DVT: Đồng

STT	Tên người nộp phí/ Cơ quan thu	Số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt thu được năm 2025	Số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt thu được năm 2025 đã nộp vào ngân sách nhà nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22.028.916.350</b>	<b>19.860.216.636</b>	
1	Công ty CP nước sạch và môi trường Lục Yên	350.081.719	315.073.546	
2	Công ty TNHH Tân Phú	583.393.887	525.054.501	
3	Công ty CP cấp nước Nghĩa Lộ	1.473.995.261	1.326.595.364	
4	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Nghĩa Lộ	134.505.305	134.505.305	
5	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Trấn Yên	207.147.582	207.147.582	
6	Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai	15.440.917.076	13.896.852.370	
7	Công ty CP cấp nước và xây dựng Yên Bái	3.838.875.520	3.454.987.968	

**PHỤ LỤC 2****Báo cáo tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với  
nước thải công nghiệp năm 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

ĐVT: Đồng

<b>TT</b>	<b>Tên người nộp phí/Cơ quan thu</b>	<b>Số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp thu được năm 2025</b>	<b>Số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp thu được năm 2025 đã nộp vào ngân sách nhà nước</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.551.036.063</b>	<b>1.523.490.288</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Môi trường</b>	<b>1.375.610.573</b>	<b>1.375.610.573</b>	
1	Công ty CP Khoáng sản Yên Phú Đông Đô BQP	166.200.872	166.200.872	
2	Công ty CP Yên Phú	10.625.735	10.625.735	
3	Cty TNHH Nippon ZOKI Việt Nam	9.720.640	9.720.640	
4	Công ty LD Canxicacbonat YBB	8.846.942	8.846.942	
5	Cty CP Toàn Kim Sơn	5.110.208	5.110.208	
6	Công ty TNHH Đá cẩm thạch R.K Việt Nam	50.697.445	50.697.445	
7	Công ty CP Thịnh Đạt	70.260.619	70.260.619	
8	Cty CPTM Đông An	25.433.932	25.433.932	
9	Cty CP Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn	8.000.000	8.000.000	
10	Cty CP An Bình Văn Yên	14.810.000	14.810.000	
11	Cty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái	10.892.907	10.892.907	
12	Chi nhánh Yên Bái - Công ty CP phát triển nông nghiệp công nghệ cao tích hợp Anifer	179.931.000	179.931.000	
13	Cty CP Cấp nước và XD Yên Bái	19.509.142	19.509.142	
14	HTX Xuân Lan	28.624.000	28.624.000	
15	Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	3.000.000	3.000.000	

16	Công ty TNHH MTV chăn nuôi Hòa Yên	22.400.155	22.400.155	
17	Công ty Cổ phần chăn nuôi Hùng Phát	11.436.060	11.436.060	
18	Công ty Cổ phần Kim Thành	17.895.006	17.895.006	
19	Công ty TNHH MTV Cơ khí 83	3.578.723	3.578.723	
20	Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	13.577.363	13.577.363	
21	Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	3.000.000	3.000.000	
22	Công ty CP Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	51.326.000	51.326.000	
23	Công ty cổ phần DAP số 2-Vinachem	3.290.000	3.290.000	
24	Công ty CP Bia Lào Cai	4.000.000	4.000.000	
25	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	432.930.437	432.930.437	
26	Công ty TNHH MTV chế biến nông sản thực phẩm Hiếu Hưng	27.229.671	27.229.671	
27	Trung tâm dịch vụ Khu kinh tế tỉnh Lào Cai	46.143.811	46.143.811	
28	Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Việt Long	9.000.000	9.000.000	
29	Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Tường Phú	10.507.973	10.507.973	
30	Tổng công ty khoáng sản TKV-CTCP- Chi nhánh mở tuyến đồng Sin quyền, Lào Cai-Vimico	39.017.202	39.017.202	
31	Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP-Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai-VIMICO	11.944.954	11.944.954	
32	Chi nhánh Công ty phát triển số 1 - TNHH 1TV- Nhà máy chế biến quặng sắt Làng Mỹ	33.740.000	33.740.000	
33	Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ sản xuất trồng rừng 327	8.000.000	8.000.000	
34	Công ty CP thương mại và sản xuất Hùng Đại Dương	3.929.776	3.929.776	

35	Công ty CP luyện kim và khai khoáng Việt Đức	11.000.000	11.000.000	
<b>II</b>	<b>Các xã, phường</b>	<b>175.425.490</b>	<b>147.879.715</b>	
1	UBND phường Sa Pa	42.609.956	42.609.956	
2	UBND xã Mường Khương	3.000.000	3.000.000	
3	UBND phường Cam Đường	9.740.846	9.740.846	
4	UBND xã Văn Bàn	13.548.823	0	
5	UBND phường Lào Cai	89.969.519	80.972.567	
6	UBND xã Bảo Thắng	5.000.000	0	
7	UBND xã Si Ma Cai	11.556.346	11.556.346	